TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.**

2. **Ông Lê Đình Cự.**

* *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*

Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Vũ Thị H,** sinh năm 1987

* *Bị đơn:* **Anh Đỗ Ngọc T**, sinh năm 1978

Đều trú tại: Thôn L, xã T, huyện Đ, Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 04/11/2019; Bản tự khai ngày 03/12/2019; Biên bản hòa giải các ngày 18/12/2019; 17/02/2020 và tại phiên tòa chị Vũ Thị H nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Đỗ Ngọc T từ năm 2005, do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ cách đây khoảng 5 năm, đến tháng 9/2019 thì mẫu thuẫn tích tụ lại và trở nên trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, hay xảy ra cãi vã, trong cuộc sống vợ chồng cũng như trong kinh tế gia đình đều do chị là người quyết định, anh T là người không quyết đoán nên chị cảm thấy cuộc sống rất nặng nề, anh T không quan

tâm đến gia đình. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 9/2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin ly hôn anh T.

* *Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung: Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007. Ly hôn, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp anh T xin nuôi con chị cũng đồng ý và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 tháng.

* *Về tài sản:* Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ*: Chị và anh T không nợ ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 18/12/2019; Biên bản hòa giải các ngày 18/12/2019; 17/02/2020 anh Đỗ Ngọc T bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Hiền yêu nhau thời gian 10 năm rồi mới đi đến kết hôn và kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây chị H có mâu thuẫn với anh nhưng lý do không phải do anh mà do chị H gây ra. Trong thời gian mâu thuẫn chị H đã bỏ nhà ra ngoài sống. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, vì anh mong muốn con anh phải có đủ bố mẹ và anh vẫn còn tình cảm với chị H. Anh cũng được sự ủng hộ của mẹ vợ và chị gái chị H cùng tất cả mọi người trong họ hàng, không mong muốn gia đình đổ vỡ.

* *Về con chung:* Anh và chị H có 01 con chung: Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007. Nguyện vọng của anh là được nuôi con, không yêu cầu chị Hiền cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ:* Anh và chị H không nợ ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

* Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình nhưng tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do nên việc anh T xin đoàn tụ gia đình là không có cơ sở, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung: Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007. Ly hôn đề nghị HĐXX giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

tuy nhiên chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, cần chấp nhận.

- Về tài sản và nợ: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đ, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 12/3/2020 anh Thiết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 29/4/2020, anh T vẫn tiếp tục vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H kết hôn với anh T năm 2005 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Chị H, anh T xác định trong cuộc sống cũng có những mâu thuẫn nhỏ, chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9/2019, anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị H đã sống ly thân với anh T từ tháng 9/2019. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T, anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình, vì không muốn bỏ vợ, bỏ con.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14/01/2020 giữa chị H, anh T, UBND xã Tcung cấp như sau: Chị H, anh T có đăng ký kết hôn, tuy nhiên do trong quá trình chuyển trụ sở và thay đổi cán bộ nên sổ đăng ký kết hôn năm 2005 hiện UBND không còn lưu giữ được. Chị H, anh T có tổ chức lễ cưới sau đó vợ chồng chung sống cùng gia đình chị H tại thôn L, xã T, huyện Đ. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng giữa năm 2019, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi vã nhưng chưa lần nào chính quyền địa phương và cơ sở thôn phải tiến hành hòa giải. Nay chị H đã chuyển chỗ ở khác không sinh sống cùng anh T. Nay chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu chị H cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung là Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H suy nghĩ lại cũng như cho anh T có thời gian để đưa ra giải pháp để anh chị quay về đoàn tụ gia đình. HĐXX xét thấy nguyện vọng của anh T là chính đáng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho anh T thời gian dài để đưa ra các giải pháp để vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng anh T cũng không có giải pháp nào, tại phiên tòa ngày 12/3/2020 anh T vắng mặt không lý do nên việc hòa giải tại phiên tòa không thực hiện được. Tại phiên tòa, HĐXX và đại diện Viện kiểm sát cũng phân tích, khuyên bảo để chị H bỏ qua mâu thuẫn trở về đoàn tụ cùng anh T, cùng nhau nuôi dậy con chung nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn và cho rằng giữa chị và anh T không còn tình cảm, có trở về đoàn tụ thì cuộc sống cũng không có hạnh phúc nên chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T.

Vì vậy HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh T nên cần được chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] *Về con chung:* Chị H, anh T có 01 con chung Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007. Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp anh T nuôi con chị H cũng nhất trí và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX thấy rằng nguyện vọng của chị H, anh T đều chính đáng, tuy nhiên hiện con Đỗ Vũ Ngọc H đang ở cùng anh T và cũng có đơn đề nghị xin được ở với anh T, chị H tôn trọng ý kiến của cháu Đỗ Vũ Ngọc H. Vì vậy cần giao con Đỗ Vũ Ngọc H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và chấp nhận việc chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản và nợ:* Chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Đỗ Ngọc T trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Vũ Ngọc H, sinh ngày 15/10/2007 và chấp nhận việc chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008230 ngày 03/12/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

HOÀNG VĂN THÀNH